

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN KẾT QUẢ HÒA GIẢI THÀNH TẠI TÒA ÁN
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HOÀNG HÓA**

Căn cứ Điều 463, 466, 468, 470 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 32, Điều 33, Điều 34, Điều 35 và Điều 36 của Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án;

Căn cứ Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải tại Tòa án ngày 05 tháng 4 năm 2022, về việc các bên thỏa thuận được với nhau về giải quyết toàn bộ vụ việc “ Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” giữa:

Người khởi kiện: Chị Trần Thị L, sinh năm 1988

Địa chỉ: Thôn T, xã Hoàng Th, huyện H, tỉnh Thanh Hóa.

Người bị kiện: Bà Nguyễn Thị Ng, sinh năm 1960

Địa chỉ: Thôn D, xã Hoàng Đ, huyện H, tỉnh Thanh Hóa.

Sau khi nghiên cứu Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải tại Tòa án cùng tài liệu kèm theo do Hòa giải viên chuyển sang Tòa án theo hồ sơ yêu cầu công nhận kết quả hòa giải thành tại Tòa án thụ lý số 36/2022/CNKQHGT ngày 05 tháng 4 năm 2022.

XÉT THẤY:

Nội dung thỏa thuận, thống nhất của các bên được ghi trong Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải tại Tòa án đã có đủ điều kiện quy định tại Điều 33 Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án.

Đã hết thời hạn 15 ngày, kể từ ngày Tòa án nhận được Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải và tài liệu kèm theo, không có bên nào ý kiến khác về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận kết quả hòa giải thành tại Tòa án giữa các bên hòa giải:

Người khởi kiện: Chị Trần Thị L, sinh năm 1988

Địa chỉ: Thôn T, xã Hoàng Th, huyện H, tỉnh Thanh Hóa.

Người bị kiện: Bà Nguyễn Thị Ng, sinh năm 1960

Địa chỉ: Thôn D, xã Hoàng Đ, huyện H, tỉnh Thanh Hóa.

Công nhận hòa giải thành tại Tòa án của các bên cụ thể như sau:

Về tiền nợ: Ngày 10/7/2016 bà Ng có vay của chị L số tiền 260.000.000đ (Hai trăm mười sáu triệu đồng) với lãi suất 1%/ tháng. Từ ngày vay cho đến nay bà Ng vẫn không trả cho chị được đồng nào nay chị yêu cầu bà Ng trả nợ tiền gốc và tiền lãi cho chị.

Các bên thống nhất thỏa thuận xác định công nợ như sau:

Tiền nợ gốc: Bà Nguyễn Thị Ng còn nợ chị Trần Thị L số tiền tính đến ngày

05/4/2022 là 260.000.000đ(Hai trăm sáu mươi triệu đồng).

Về tiền lãi: Lãi suất 1%/ tháng tính từ ngày 10/7/2016 đến ngày 5/4/2022 là 176.800.000đ trên số tiền nợ gốc.

Chị L yêu cầu bà Ng trả tiền lãi 100.000.000đ(Một trăm triệu đồng).

Tổng cộng cả gốc và lãi bà Ng phải trả cho chị L là: 360.000.000đ(Ba trăm sáu mươi triệu đồng).

Phương thức trả nợ: Khi quyết định có hiệu lực pháp luật thì bà Ng sẽ trả toàn bộ số tiền nợ cho chị L.

Khi quyết định có hiệu lực pháp luật, nếu bà Ng vi phạm nghĩa vụ trả nợ như hai bên đã thỏa thuận ở trên, thì chị L có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự thi hành thu hồi toàn bộ khoản nợ cho chị L.

Về lệ phí: Căn cứ Điều 6 Luật hòa giải, đối thoại tại Tòa án số 58/2020/QH14 ngày 16/6/2020 của Quốc hội, đương sự không phải chịu lệ phí.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7,7a và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật, không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự và được thi hành án theo quy định của pháp luật về thi hành án dân sự.

4. Các bên, đương sự có quyền đề nghị xem xét lại quyết định này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc biết được quyết định.

5. Viện kiểm sát cùng cấp có quyền kiến nghị xem xét lại quyết định này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được quyết định của Tòa án.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND h.Hoàng Hóa;
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- Chi cục THADS h.Hoàng Hóa;
- UBND xã Hoàng Đ;
- Lưu hồ sơ vụ việc, TA.

THẨM PHÁN

Lê Thị Phương

